

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 6 - 2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thúy Hà

2. Bà Tạ Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân – Thư ký, Tòa án nhân dân khu
vực 1 - Điện Biên;

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên.
Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ
lý số: 165/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST-
HNGĐ ngày 12/5/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2026/QĐST-HNGĐ
ngày 29/5/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lường Văn X**. Địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên.
(Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị **Cà Thị A**. Địa chỉ: Địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên. Hiện
trú tại: Bản P, xã M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2026, quá trình giải quyết vụ án nguyên
đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh X và chị A đã chung sống với nhau từ năm 2019. ngày
01/6/2020 thì đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố Đ (nay là xã N, tỉnh
Điện Biên, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng
thường xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp. Đến ngày 01/12/2025 vợ chồng đã

thống nhất ly hôn. Hai bên đã lập Biên bản ly hôn, thống nhất chia tài sản và con chung có sự chứng kiến của hai bên gia đình. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Vì vậy, anh X yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lường Thái S - sinh ngày 10/7/2020. Hai bên đã thống nhất, anh X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã N, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng: Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điều 238/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Anh X và chị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố Đ (nay là xã N), tỉnh Điện Biên vào ngày 01/6/2020 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Qua lời khai của nguyên đơn, thấy rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, dẫn đến ly thân. Tại Biên bản ly hôn ngày 01/12/2025 do anh X cung cấp thể hiện nội dung: "...2 vợ chồng tôi không ở được với nhau đã nhất trí ly hôn...". Biên bản có sự chứng kiến của hai bên gia đình.

Quá trình giải quyết chị A không có văn bản trả lời thông báo thụ lý, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, cũng không có ý kiến phản đối được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Trên cơ sở lời khai, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có căn cứ về việc các đương sự đã thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn, đã ly thân, hiện không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho anh Xiên được ly hôn với chị Anh.

[3.2] Về con chung: Anh X và chị A có 01 con chung là Lường Thái S - sinh ngày 20/7/2020. Anh X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, Tại Biên bản ly hôn ngày 01/12/2025 thể hiện: "...Chồng nhận nuôi con Lường Thái S ngày 10/7/2020...".

Quá trình giải quyết, bị đơn không có ý kiến tranh chấp về phần con chung, không có văn bản thể hiện có nguyện vọng được nuôi con nên cần giao con cho anh X để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Việc nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận. Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của nguyên đơn.

[3.3] Về tài sản chung: Do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

(sửa đổi, bổ sung năm 2025); Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lường Văn X.

1. Về hôn nhân: Anh Lường Văn X được ly hôn với chị Cà Thị A.

2. Về con chung: Anh Lường Văn X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lường Thái S - sinh ngày 10/7/2020 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lường Văn X phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000182 ngày 02/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. (Anh X đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS tỉnh ĐB;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- UBND xã N, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ